

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01

Tổ : 001

Trang 1/3

Mã nhận dạng 04221

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tài chính doanh nghiệp 1-208347

Ngày Thi : 22/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút

Phòng thi RD200

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi 70	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12123097	LÊ THỊ HOÀI AN	DH12KE	<i>anh</i>	1	9	10	3,2	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12363001	HOÀNG THỊ TƯỜNG ANH	CD12CA	<i>anh</i>	1	10	5,5	2,0	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10155049	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	DH10KN	<i>anh</i>	1	9	10	4,0	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12363011	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	CD12CA	<i>anh</i>	1	10	10	7,1	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11123255	VILAYSON BOULETH	DH11KE	<i>anh</i>	1	0	7	1,5	1,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12123230	PHẠM THỊ NGỌC CHÍNH	DH12KE	<i>anh</i>	1	9	10	9,5	9,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10363008	NGUYỄN THỊ CHUNG	CD10CA17	<i>anh</i>	1	10	7	2,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12155142	KIỀU THỊ QUỲNH DAO	DH12KN	<i>anh</i>	1	9	10	3,5	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12155030	LÊ DƯƠNG DEN	DH12KN	<i>anh</i>	1	9	7	8	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12363228	NGUYỄN THỊ THÚY DIỄM	CD12CA	<i>anh</i>	1	10	10	6,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12363334	HUỲNH THỊ PHƯƠNG DUNG	CD12CA	<i>anh</i>	1	9	10	7,0	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12363166	NGUYỄN THỊ DUNG	CD12CA	<i>anh</i>	1	10	10	4,5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12363033	VÕ THỊ KIM DUNG	CD12CA	<i>anh</i>	1	9	10	6,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12123014	NGUYỄN NGỌC KỲ DUYÊN	DH12KE	<i>anh</i>	1	10	10	6,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11363101	BÙI VĂN DƯƠNG	CD11CA	<i>anh</i>	1	9	7	9,5	9,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12363335	VŨ THỊ THÙY DƯƠNG	CD12CA	<i>anh</i>	1	10	10	10	10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12123017	NGUYỄN KINH ĐÔ	DH12KE	<i>anh</i>	1	9	10	10	9,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tài chính doanh nghiệp 1-208347

Ngày Thi : 22/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD200

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12363006	HUỖNH PHÚC ĐÔNG	CD12CA	<i>Phuoc Dong</i>	1	9	10	6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12123020	TẠ THỊ HÀ	DH12KE	<i>Ta Thi Ha</i>	1	10	7	3,5	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12123118	ĐÌNH THỊ MỸ	DH12KE	<i>My Dinh</i>	1	9	0	5,6	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12363328	DƯƠNG THỊ HẠNG	CD12CA	<i>Thi Hang</i>	1	9	10	5,0	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12363265	ĐÌNH KIM HẠNG	CD12CA	<i>Kim Hang</i>	1	9	10	3,1	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12155046	ĐỖ THỊ HẬU	DH12KN	<i>Thi Hau</i>	1	9	10	5,7	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12123120	NGUYỄN PHÚC HẬU	DH12KE	<i>Phuoc Hau</i>	1	10	10	10	10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12363206	NGUYỄN THỊ MỸ HẬU	CD12CA	<i>My Hau</i>	1	10	10	9,5	9,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12155073	KIM QUỐC HIẾN	DH12KN	<i>Quoc Hien</i>	1	9	10	5,2	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12363035	LÊ THỊ THÚY HỒNG	CD12CA	<i>Thi Thuy Hong</i>	1	10	0	4,5	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12155108	NGUYỄN THỊ HUỆ	DH12KN	<i>Thi Huu</i>	1	9	5	6,0	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11363023	HUỖNH THANH HÙNG	CD11CA	<i>Thanh Hung</i>	1	9	5,5	2,5	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12155002	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH12KN	<i>Van Hung</i>	1	9	10	7,4	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12123025	DƯƠNG THỊ HUYỀN	DH12KE	<i>Thi Huyen</i>	1	9	10	10	9,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11363046	NGUYỄN HỒNG HUỖNH	CD11CA	<i>Hung Huu</i>	1	9	8	2,0	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12155144	ĐẶNG THỊ THU HƯƠNG	DH12KN	<i>Thi Thu Huong</i>	1	9	7	5,5	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12123223	TRẦN CHÍ KHANG	DH12KE	<i>Chi Khang</i>	1	10	0	3,0	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tài chính doanh nghiệp 1-208347

Ngày Thi : 22/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD200

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12123028	NGUYỄN HUỲNH KHUYÊN	DH12KE		1	9	10	10	9,8	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	12363077	NGUYỄN THỊ LAN	CD12CA		1	10	7	6,3	7,1	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
37	13363142	LÊ THỊ LIỄN	CD13CA		1	9	10	5,5	6,7	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	12155076	NGUYỄN THỊ THÚY	DH12KN		1	9	10	9,2	9,2	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	11363015	NGUYỄN THỊ HỒNG	CD11CA		1	0	0	1,5	1,1	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	12363178	ĐẶNG THỊ NGỌC	CD12CA		1	10	10	5,7	7,0	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	12363234	BÙI THỊ CẨM	CD12CA		1	9	10	4,5	6,0	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	12363015	BÙI THỊ LÝ	CD12CA		1					(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	12363282	ĐẶNG THỊ NGỌC	CD12CA		1	9	0	4,3	4,8	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	11363087	PHAN THỊ THANH	CD11CA		1	9	0	3,2	4,0	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	12123145	HUỲNH THỊ ÁNH	DH12KE		1	10	7	3,0	4,8	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	12122108	NGUYỄN THỊ TUYẾT	DH12TC		1	9	7	6,5	7,1	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	12155153	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH12KN		1	9	10	8,0	8,4	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	12123149	HUỲNH HUỲỀN	DH12KE		1	9	10	9,5	9,5	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
49	12123236	NGUYỄN THỊ KIM	DH12KE		1	9	10	8,8	9,0	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
50	13363184	NGUYỄN THỊ NHƯ	CD13CA		1	10	10	4,3	6,0	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
51	12123154	PHAN TRẦN THẢO	DH12KE		1	10	10	8,0	8,6	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tài chính doanh nghiệp 1-208347

Ngày Thi : 22/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút

Phòng thi RD200

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
52	12155064	NGUYỄN THỊ XUÂN NGUYỄN	DH12KN	<i>Thuy</i>	1	9	10	10	9,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
53	12363219	LÊ THỊ SINH NGỮ	CD12CA	<i>Ngữ</i>	1	9	10	7,5	8,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
54	11122092	LÊ THỊ YẾN NHI	DH11QT	<i>Nhi</i>	1	9	10	8,5	8,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
55	12363070	NGUYỄN THỊ NHUNG	CD12CA	<i>Nhung</i>	1	9	7	3,5	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
56	13123113	NGUYỄN THỊ KIM OANH	DH13KE	<i>Oanh</i>	1	10	10	8,0	8,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
57	12155072	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DH12KN	<i>Ph</i>	1	9	10	10	9,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
58	11155031	PHẠM HỒNG QUÂN	DH11KN	<i>Ph</i>	1	10	8	4,5	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
59	12123166	HUỲNH THỊ THẢO QUYÊN	DH12KE	<i>Th</i>	1	10	10	4,5	6,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
60	11363219	ĐỖ THỊ THU SƯƠNG	CD11CA	<i>Thu</i>	1	9	10	5,0	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
61	12363190	LÊ THỊ SƯƠNG	CD12CA	<i>Le</i>	1	9	0	6,6	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
62	12155022	NGUYỄN THỊ TÂM	DH12KN	<i>Tam</i>	1	9	10	8,3	8,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
63	12363340	TRẦN THỊ TÂM	CD12CA	<i>Tam</i>	1	9	10	8,0	8,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
64	12363084	TRẦN THỊ KIM THÀNH	CD12CA	<i>Thanh</i>	1	9	7	4,0	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
65	12363223	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	CD12CA	<i>Th</i>	1	9	7	6,5	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
66	12363025	NGUYỄN THỊ THU THẢO	CD12CA	<i>Thu</i>	1	9	7	7,0	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
67	12122228	PHẠM THỊ NGỌC THẨM	DH12QT	<i>Ngoc</i>	1	10	10	10	10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
68	12155098	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THOẠI	DH12KN	<i>Th</i>	2	9	10	9	9,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tài chính doanh nghiệp 1-208347

Ngày Thi : 22/01/15

Giờ thi: 12g15 - phút

Phòng thi RD200

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
69	12123094	NGUYỄN THỊ TUYẾT THƠ	DH12KE	<i>Thơ</i>	1	9	10	9,5	9,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12363129	NGÔ THỊ THU	CD12CA	<i>Thu</i>	1	9	10	9,0	9,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12363297	LÊ MINH THÙY	CD12CA	<i>Thuy</i>	1	10	5	8,0	8,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	11363220	NGÔ ĐOÀN HOÀI THƯƠNG	CD11CA	<i>Th</i>	1	9	5	8,3	8,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	12123079	PHAN THỊ THANH THƯƠNG	DH12KE	<i>Th</i>	1	9	10	10	9,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	12155036	CAO LÊ HOÀNG THY	DH12KN	<i>Th</i>	2	9	5	7,5	7,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	13363317	NGUYỄN THỊ THÙY TIÊN	CD13CA	<i>Th</i>	1	9	10	6,5	7,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	12155138	DIỆP THÙY TRANG	DH12KN	<i>Th</i>	1	9	10	6,7	7,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	12363301	LÊ NGỌC TRANG	CD12CA	<i>Th</i>	1	9	10	4,5	6,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	12123056	LÊ THỊ CHÂU TRANG	DH12KE	<i>Th</i>	1	10	10	9,5	9,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	11123160	NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG	DH11KE	<i>Th</i>	1	10	8	4,5	6,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	11122120	ĐẶNG TRẦN THÙY TRÂM	DH11QT	<i>Th</i>	1	9	10	5,0	6,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
81	12123299	LÊ NGỌC TRÂM	DH12KE	<i>Th</i>	1	9	5	5,5	6,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
82	10122174	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	DH10QT	<i>Th</i>	1	0	0	2,5	1,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
83	12363343	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	CD12CA	<i>Th</i>	1	9	10	4,5	6,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
84	12122255	LƯU PHƯƠNG TRINH	DH12TC	<i>Th</i>	1	9	10	9,0	9,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
85	12123245	NGUYỄN THỊ TRINH	DH12KE	<i>Th</i>	1	10	10	9,5	9,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tài chính doanh nghiệp 1-208347

Ngày Thi : 22/01/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD200

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi 30%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
86	12122257	TRẦN KỲ	TRUNG	DH12TC	1	9	7	5,5	6,4	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
87	12155066	VÕ QUỐC	TRUNG	DH12KN	4	10	8	4,0	5,6	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
88	12363128	NGUYỄN HỒNG	TUYẾT	CD12CA	1	9	8	2,0	4,0	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
89	12123206	LÊ PHƯƠNG ÁNH	VY	DH12KE	1	10	10	9,6	9,7	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: : 88

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ng. Hồng Minh

Trần Khánh Linh

Lê Thanh Loan

Đỗ Minh Đa Thành

@BCT 3

Nguyễn Thị Ngọc Hà